



# SỰ VẬN ĐỘNG THẨM MỸ NGHỆ THUẬT TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT

PHẠM MINH QUÂN\*

**Tóm tắt:** Bài viết nghiên cứu sự vận động thẩm mỹ nghệ thuật trên nhiều phương diện trong bối cảnh đương đại đa chiều ở Việt Nam. Trong dòng chảy biến đổi của bối cảnh văn hóa - xã hội và sự tương tác giữa các thế hệ thì những giá trị tinh thần sâu sắc và bản sắc cá nhân vẫn luôn là điểm cốt lõi. Đây là bài tham luận tại Hội thảo “Tài năng trẻ - Nguồn lực sáng tạo và phát triển văn hóa nghệ thuật” do Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật tổ chức tháng 11-2024.

**Từ khóa:** sự vận động, thẩm mỹ nghệ thuật, đương đại.

**Abstract:** This article explores the multifaceted evolution of aesthetic art within the diverse contemporary context of Vietnam. Amidst the changing tides of the socio-cultural context and the interplay between generations, profound spiritual values and individual identity remain the core focus. The article was presented at the Conference “Young talent - A creative resource for cultural and artistic development” organized by the Culture and Arts Magazine in November 2024.

**Keywords:** evolution, aesthetic art, contemporary.

Trong suốt chiều dài lịch sử, nghệ thuật luôn phản ánh những biến chuyển của xã hội và con người. Tuy nhiên, chưa bao giờ sự vận động của thẩm mỹ nghệ thuật lại trở nên phức tạp và đa chiều như trong bối cảnh đương đại, đặc biệt như ở Việt Nam. Sự thay đổi không chỉ diễn ra trong một lĩnh vực nghệ thuật mà trải dài trên nhiều phương diện, từ văn học, hội họa, đến âm nhạc. Nếu như trước đây, thị hiếu thẩm mỹ phần lớn chịu sự chi phối của những quy chuẩn văn hóa và xã hội cố định, thì ngày nay, cùng với sự phát triển của công nghệ và toàn cầu hóa, cả nghệ sĩ lẫn công chúng đều có nhiều cơ hội tiếp cận với các nguồn tri thức, văn hóa đa dạng

hơn. Để lý giải xu hướng thẩm mỹ của giới trẻ hiện nay, bao gồm nghệ sĩ lẫn công chúng, cũng như tính khác biệt thế hệ trong quan niệm thẩm mỹ, tham luận này tiếp cận từ ba khía cạnh: *thứ nhất*, minh định yếu tố nào phân biệt và quy định thị hiếu thẩm mỹ; *thứ hai*, những đặc trưng của nghệ thuật đương đại và tác động qua lại với thị hiếu thẩm mỹ; và *cuối cùng*, sự chuyển dịch quan niệm và thị hiếu thẩm mỹ ở các loại hình nghệ thuật Việt.

1. Để làm rõ sự vận động thẩm mỹ nghệ thuật trong bối cảnh đương đại, ta cần quay trở về với một trong những mối quan hệ biện chứng cơ bản chủ thể - khách thể giữa con người và văn hóa (Trần Quốc

Vượng, 1998), hay cụ thể hơn, phương thức biểu kiến tiêu biểu của văn hóa là nghệ thuật, khi con người đồng thời là chủ thể và khách thể của nghệ thuật.

Trong nghệ thuật, chủ thể là người sáng tạo tác phẩm - các nghệ sĩ. Họ sử dụng tài năng và kỹ năng để sáng tạo ra những tác phẩm nghệ thuật như hội họa, đồ họa, điêu khắc, nhiếp ảnh, hay các loại hình nghệ thuật sắp đặt. Nghệ sĩ là người biểu đạt cảm xúc, ý tưởng và thế giới quan cá nhân qua các hình thức nghệ thuật. Mặt khác, nghệ sĩ không chỉ tạo ra tác phẩm để làm hài lòng người xem, mà còn thể hiện tư tưởng, triết lý và trải nghiệm cá nhân của mình. Các danh họa thế giới như Picasso hay Van Gogh đã truyền tải không chỉ kỹ thuật mà còn cảm xúc mãnh liệt, thế giới quan hay cái nhìn thực tại riêng qua từng tác phẩm của họ. Do đó, sáng tạo là một trong những yếu tố của nghệ sĩ. Họ có vai trò sáng tạo và phá vỡ những giới hạn của nghệ thuật truyền thống, đồng thời là chủ thể tạo nên các phong cách mới, như trường phái ấn tượng, lập thể, trừu tượng, hay siêu thực, thay đổi hoàn toàn cách nhân loại nhìn nhận về nghệ thuật.

Khách thể trong nghệ thuật bao gồm cả người thưởng thức và người sáng tạo khi họ chịu sự tác động từ tác phẩm nghệ thuật và các trường phái, phong cách nghệ thuật trước đó. Người thưởng thức nghệ thuật, thông qua việc chiêm ngưỡng các tác phẩm, là khách thể của văn hóa nghệ thuật. Họ tiếp nhận và chịu ảnh hưởng bởi các giá trị, ý tưởng và cảm xúc mà nghệ sĩ truyền tải. Mỗi người thưởng thức sẽ có cách cảm nhận hay sự diễn giải khác nhau về một tác phẩm dựa trên nền tảng văn hóa, trải nghiệm cá nhân và bối cảnh xã hội của họ. Từ góc độ biểu tượng học, Erwin Panofsky (1972) đã trình bày ba cấp độ lĩnh hội lịch sử nghệ thuật, hay cụ thể hơn là tác phẩm nghệ thuật. Đầu tiên là *chủ đề chính hoặc tự nhiên*: Mức độ hiểu biết cơ bản nhất, tầng này bao gồm nhận thức về hình thức thuần túy của tác phẩm. Lấy ví dụ bức tranh *Bữa tiệc ly (Last Supper)* của danh họa Phục hưng Ý Leonardo da Vinci. Nếu dừng lại ở cấp độ đầu tiên này, bức tranh đó chỉ có thể được coi là bức tranh vẽ 13 người đàn ông ngồi cùng một chiếc bàn. Cấp độ đầu tiên này là sự hiểu biết cơ bản nhất về một tác phẩm, không có bất kỳ kiến thức văn hóa bổ sung nào. Cấp độ thứ hai là *chủ đề thứ cấp hoặc quy ước*: Cấp độ này tiến thêm một bước nữa và mang đến sự so sánh giữa kiến thức văn hóa và biểu tượng. Ví dụ, bất cứ ai

được đào tạo về văn hóa phương Tây và/ hoặc Kitô giáo đều có thể xác định khung cảnh đó là bữa tiệc ly mà Chúa Giê-su đã tổ chức với các Tông đồ của mình. Cấp độ cuối cùng, *ý nghĩa hoặc nội dung cấp ba hoặc nội tại*: Cấp độ này xem xét dựa trên lịch sử cá nhân, kỹ thuật và văn hóa để hiểu tác phẩm. Nghệ thuật ở đây không phải là một hiện tượng biệt lập mà là sản phẩm của một môi trường lịch sử, xã hội và văn hóa có lợi cho sự sáng tạo của nó. Ở cấp độ này, nhà sử học nghệ thuật có thể đặt những câu hỏi như “tại sao nghệ sĩ lại chọn thể hiện *Bữa tiệc ly* theo cách này?”. Về cơ bản, cấp độ cuối cùng này là sự tổng hợp; đó là nhà sử học nghệ thuật đặt câu hỏi “tất cả những điều đó có nghĩa là gì?”.

Thậm chí người sáng tạo cũng có thể là khách thể. Một nghệ sĩ khi sáng tác thường bị ảnh hưởng bởi những giá trị và phong cách của các trường phái nghệ thuật trước đó. Ví dụ, họ có thể chịu tác động bởi các nghệ sĩ nổi tiếng, các trường phái như ấn tượng, hậu hiện đại, hoặc truyền thống dân gian, từ đó tạo ra những tác phẩm mới mang dấu ấn riêng nhưng vẫn gắn kết với những ảnh hưởng cũ. Trong lịch sử nghệ thuật, dựa trên nghiên cứu mối quan hệ nhân quả thông qua bối cảnh văn hóa và phong cách trường phái, có thể xác lập được một phá hệ của các phong trào chủ nghĩa và nghệ sĩ sáng tạo.

Mối quan hệ biện chứng giữa chủ thể và khách thể trong nghệ thuật, có thể được nhìn theo mô hình đa chủ thể, thể hiện quá trình tương tác linh hoạt, một vận động tương hỗ giúp nghệ thuật liên tục phát triển và thay đổi. Nghệ sĩ là chủ thể khi họ sáng tạo ra tác phẩm, nhưng cũng là khách thể khi họ tiếp thu các giá trị nghệ thuật từ các tác phẩm trước đó hoặc từ truyền thống văn hóa nghệ thuật. Ví dụ, một nghệ sĩ hiện đại có thể học hỏi từ các bậc thầy cổ điển và từ đó sáng tạo ra phong cách mới. Người thưởng thức cũng có thể trở thành chủ thể khi họ tiếp nhận và tái diễn giải ý nghĩa tác phẩm theo cách của riêng mình. Một tác phẩm nghệ thuật không chỉ tồn tại theo ý đồ ban đầu của nghệ sĩ, mà ý nghĩa của nó còn phụ thuộc vào cách mỗi người thưởng thức cảm nhận và diễn giải. Mỗi lần nhìn tác phẩm, người xem có thể trải qua những cảm xúc và tư tưởng khác nhau, biến họ từ khách thể của nghệ thuật thành chủ thể tái sáng tạo ý nghĩa.

Trong bối cảnh nghệ thuật Việt Nam, các nghệ sĩ như Nguyễn Gia Trí hay Bùi Xuân Phái vừa là chủ thể sáng tạo khi họ sử dụng các chất liệu truyền

thống như sơn mài để tạo nên những tác phẩm nghệ thuật mang tính dân tộc, vừa là khách thể khi tiếp thu những ảnh hưởng từ hội họa phương Tây. Còn công chúng Việt, khi tiếp nhận các tác phẩm này, cũng trở thành khách thể chịu ảnh hưởng từ nền văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện đại, khi người thưởng thức tham gia vào quá trình thảo luận, đánh giá và chia sẻ về các tác phẩm, họ cũng đóng vai trò là chủ thể trong việc tái định nghĩa nghệ thuật và giá trị của nó. Tuy nhiên, khả năng tiếp nhận của đối tượng thụ hưởng nghệ thuật, liên quan đến sự vận động về quan niệm và thị hiếu thẩm mỹ.

Nhà xã hội học Pháp Pierre Bourdieu (1984), dựa trên nghiên cứu thực nghiệm văn hóa Pháp trong giai đoạn 5 năm từ 1963 đến 1968, đã chỉ ra mối quan hệ giữa vốn văn hóa và thị hiếu (taste). Hãy thử hình dung một trục tọa độ, trục tung là văn hóa, trục hoành là kinh tế, ta sẽ có văn hóa cao (+), văn hóa thấp (-), giàu kinh tế (+) và nghèo kinh tế (-). Mỗi miền sẽ có một thị hiếu thẩm mỹ đặc thù, ví dụ văn hóa cao - giàu kinh tế họ sẽ thường thích nhạc giao hưởng hàn lâm, ăn ở nhà hàng Michelin 5 sao; văn hóa cao - nghèo kinh tế thì họ sẽ có những sở thích thanh đạm như đọc sách, thiền, trà đạo... Thị hiếu phổ biến đại đa số cũng phản ánh trình độ dân trí chung của cộng đồng đó.

Trong một xã hội văn minh phương Tây, nếu mô tả cộng đồng là những vòng tròn, thì vòng tròn rộng lớn bên ngoài thể hiện đại đa số bình dân đại chúng. Họ là những người theo trào lưu chính thống, thành kiến cảm xúc của họ không có sự kiểm chứng của khoa học, quan sát của họ dựa trên định kiến cá nhân và thị hiếu của họ, đương nhiên, theo số đông và mang tính hằng biến. Vòng tròn ở trung tâm - hạt nhân là tầng lớp elitist (tinh hoa), bao gồm giới chuyên môn, học thuật và hàn lâm. Tuy mang tính chất khép kín và thiếu số, nhưng họ có hệ thống tiêu chuẩn lý thuyết để đánh giá một đối tượng và thị hiếu của họ tương đối ổn định. Vòng tròn trung tâm có tác động ra ngoài, tạo ra những sản phẩm tri thức góp phần kích thích xã hội phát triển. Tuy nhiên, vòng tròn bên ngoài có thể có sự xung đột trở lại, ngăn chặn sự phát triển, trong trường hợp dân trí phát triển không cao. Vậy chuyện vòng tròn bên trong, bên ngoài này có mối liên hệ gì đến thị hiếu? Câu trả lời là thị hiếu đám đông không quyết định tất cả và không phải hoàn toàn là chính xác. Lấy ví dụ, như trong một cuộc thi ca nhạc luôn có giải hội

đồng chuyên môn và giải bình chọn, dựa trên những tiêu chí khác nhau. Nhưng nó cũng cho thấy, đôi khi 90 phiếu bình chọn khán giả cho một sản phẩm là hay, chưa chắc trọng lượng của nó đã tương đương với 10 phiếu của các nhà chuyên môn.

Ở Việt Nam, dường như không tồn tại tầng lớp tinh hoa, hoặc nếu có, thường bị gán cho tầng lớp tư sản (trước đây) và tri thức (không có nhiều tiếng nói). Do vậy, quan điểm của đại chúng trở thành tất cả, dẫn tới đảo lộn hàng loạt hệ giá trị, nảy sinh phản văn hóa, hoặc đám đông bị dẫn hướng bởi một bộ phận tự cho mình có thẩm quyền về chuyên môn. Hiện nay có một thực trạng nhá nhem, chông lán và ngộ nhận vai trò, không tự kiểm soát thẩm quyền, khi có rất nhiều trường hợp nhà văn hoặc nhà báo vừa muốn làm nhà lý luận, vừa muốn có tiếng nói của nhà phê bình, lại vừa phát biểu các vấn đề khoa học ngoài chuyên môn, thậm chí lại muốn theo trào lưu trở thành... KOL (*Key opinion leader* - người có sức ảnh hưởng đại chúng) trên các nền tảng mạng xã hội và định hướng dư luận. Sự tiến bộ của thẩm mỹ thưởng thức, của thị hiếu, phải đến từ sự phát triển của trình độ dân trí và văn hóa. Do đó, Việt Nam hiện đang bị đánh giá ở thị hiếu tầm trung, vẫn dựa trên phổ quan niệm thẩm mỹ của đại chúng, số đông. Nhắc lại lý thuyết của Bourdieu, yếu tố quyết định thị hiếu trong một xã hội, chính là định mức vốn văn hóa của xã hội này.

**2.** Vậy câu hỏi đặt ra là định vị nghệ thuật đương đại Việt đang nằm ở đâu trên diễn trình nghệ thuật thế giới, đồng thời liệu có thể chỉ ra một sự vận động về thẩm mỹ nghệ thuật trong bối cảnh đương đại ngày nay hay không? Nghệ thuật Việt ngày nay đang theo hướng cô đọng tinh chất hay ngày một mở rộng ngoại vi về phía đám đông?

Bản thân nghệ thuật đương đại (*contemporary art*) trên thế giới là một thuật ngữ “lỏng” với nhiều cách tường giải. Nghệ thuật đương đại là cái “đang diễn ra” hoặc “tác phẩm nghệ thuật đã, đang và tiếp tục được tạo nên trong suốt cuộc đời của chúng ta”. Có quan điểm cho rằng nghệ thuật đương đại bắt đầu đồng thời từ lúc lịch sử đương đại bắt đầu (1945 - nay, khi Thế chiến thứ Hai kết thúc). Quan điểm khác (Godfrey, 2020) lại cho rằng nghệ thuật đương đại bắt đầu từ khối đổ nát của hiện đại chủ nghĩa. Một quan điểm lại cho rằng mốc 1960 là cơ sở cho một nghệ thuật mới/ khác (Archer, 2015), bởi kể từ sau 1960, nghệ thuật đã không còn tính ổn định, tích

lũy và tịnh tiến. Trái lại, nó bất ổn định, không ngừng vận động và cách tân, bất chấp sự cứng nhắc, tránh xa một phong cách hay cách tiếp cận duy nhất, không thay đổi. Đồng thời, nghệ thuật đương đại phát triển mạnh nhờ sự phát triển nhanh chóng của thế giới chúng ta, háo hức đón nhận những công nghệ mới và những ý tưởng mới thịnh hành. Nghệ thuật đương đại gắn liền với những phương thức biểu đạt mới và chủ đề mới (hậu hiện đại, nữ quyền, sinh thái, cộng đồng thiểu số...). Điểm khác biệt chính giữa nghệ thuật hiện đại và đương đại là sự chuyển trọng tâm từ vẻ đẹp thẩm mỹ sang ý niệm cơ bản của tác phẩm (nghệ thuật ý niệm và nghệ thuật trình diễn là những ví dụ điển hình).

Nghệ thuật đương đại, với những đặc trưng của nó, là một sự phản ánh, phản ứng, đối thoại và đồng thời chất vấn cái gọi là nghệ thuật truyền thống (hoặc hàn lâm, cổ điển). Nhìn vào câu chuyện phân kỳ lịch sử nghệ thuật, ta thấy các giai đoạn nghệ thuật trong quá khứ dễ dàng được định danh dựa trên một trường phái phong cách chủ đạo ngự trị, đại diện cho toàn bộ thời đại văn hóa. Sự chuyển đổi giữa thời kỳ nghệ thuật lớn, trong các phong cách hội họa, điêu khắc và kiến trúc có sự vận động phát triển và một quy luật vận động ẩn tàng (Wölfflin, 2022). Và các giai đoạn này cũng lần lượt nối tiếp nhau theo một đơn tuyến, như ở châu Âu trong khoảng gần 10 thế kỷ, từ TK X-XIX, chúng ta có chuỗi Romanesque - Gothic - Phục hưng - Baroque - Rococo - Tân cổ điển - Lãng mạn - Hiện thực - Ấn tượng... nhưng đến đầu TK XX là sự bùng nổ xuất hiện đồng thời hàng loạt trường phái khác nhau như: Lập thể, Biểu hiện, Vị lai, Siêu thực, Dada, Trừu tượng... cho tới ngày nay với nghệ thuật đương đại có thể có đến hàng trăm phong cách lẫn phong trào nghệ thuật liên tục xuất hiện, không chỉ nối tiếp nhau mà còn đồng thời tồn tại chồng lấp lên nhau, tạo ra một lịch sử nghệ thuật đa tuyến.

Song, cũng có ý kiến cho rằng nghệ thuật ngày nay không còn có giá trị nghệ thuật lẫn tinh thần sâu sắc và trường tồn cùng với lịch sử như trong quá khứ nữa, mà đang trở nên quá nhiều, thậm chí lỗi mốt và bão hòa rất nhanh. Trong quá khứ, nghệ thuật được tạo ra trong những bối cảnh khác, khi đời sống diễn ra chậm hơn, công nghệ chưa phát triển và thông tin chưa lưu chuyển nhanh chóng. Nghệ thuật thời đó có thể tồn tại trong nhiều thế kỷ, vì xã hội không chịu tác động quá lớn từ thay đổi thời gian ngắn. Điều này

khiến các tác phẩm mang tính bền vững hơn cả về vật chất lẫn tinh thần. Tuy nhiên, xã hội hiện đại chứng kiến sự phát triển vượt bậc của công nghệ, đặc biệt là internet và các nền tảng kỹ thuật số. Chúng đã dân chủ hóa quá trình sáng tạo nghệ thuật, khiến nghệ thuật không còn là đặc quyền của một số ít người mà trở nên phổ biến hơn bao giờ hết. Bất kỳ ai cũng có thể sáng tạo và chia sẻ tác phẩm của mình trực tuyến. Điều này dẫn đến sự bùng nổ của nghệ thuật trong không gian số, khiến số lượng tác phẩm trở nên phong phú, đa dạng, nhưng cũng dễ dàng bị lãng quên nhanh chóng. Thông tin, hình ảnh và xu hướng được lan truyền một cách nhanh chóng và rộng rãi, khiến những giá trị nghệ thuật cũng phải thích nghi với tốc độ này. Chính vì vậy, nghệ thuật đương đại có thể được xem là “lỗi mốt” nhanh hơn vì nó phản ánh thế giới với tốc độ thay đổi chóng mặt.

Mặt khác, sự phát triển của các phong trào nghệ thuật mới như pop art, graffiti, nghệ thuật kỹ thuật số, đã đẩy mạnh khía cạnh “thời trang” của nghệ thuật, nơi mà các tác phẩm không chỉ nhắm đến việc tồn tại lâu dài mà còn phản ánh trực tiếp thời đại và văn hóa hiện tại. Điều này khiến nhiều người cho rằng nghệ thuật ngày nay không còn có chiều sâu tinh thần như trước. Tuy nhiên, việc nghệ thuật trở nên thời trang hơn không nhất thiết làm giảm giá trị của nó. Nghệ thuật phản ánh những vấn đề của xã hội đương đại, có tính tạm thời nhưng lại tác động mạnh mẽ đến tư duy và nhận thức, đặc biệt của đám đông. Nhiều tác phẩm nghệ thuật đương đại thể hiện những thông điệp về công bằng xã hội, môi trường, và những vấn đề cấp bách của thế giới, mặc dù không bền vững như những tác phẩm cổ điển, nhưng lại tạo ra sức ảnh hưởng lớn trong một thời gian ngắn.

Và, quan trọng hơn cả, chính thị hiếu thẩm mỹ cũng có một sự mở rộng và đa dạng hóa. Việc xuất hiện quá nhiều và đồng thời nhiều phong cách, trường phái nghệ thuật cũng là một kết quả từ việc ngày nay có nhiều tiêu chí đánh giá và diễn giải khác nhau, đến từ công chúng thụ hưởng nghệ thuật. Trong quá khứ, tiêu chí đánh giá nghệ thuật thường bị chi phối bởi một số ít trường phái và hệ tư tưởng thống trị, chẳng hạn như chủ nghĩa cổ điển, lãng mạn hay hiện thực. Những trường phái này đề cao các giá trị nhất định như kỹ thuật, hình thức, nội dung và sự hoàn hảo thẩm mỹ. Tuy nhiên, trong thế giới hiện đại, không còn tồn tại một hệ tiêu chuẩn chung duy nhất để đánh giá nghệ thuật. Sự xuất hiện của các

phong trào nghệ thuật như chủ nghĩa hiện đại, hậu hiện đại và nghệ thuật đương đại đã mở rộng phạm vi diễn giải. Mỗi trường phái hay phong cách đều có tiêu chí đánh giá khác nhau, từ khía cạnh kỹ thuật đến giá trị thông điệp, tính gợi mở, tính tương tác, hay thậm chí khả năng khiêu khích công chúng, góp phần tạo ra không gian cho sự đa dạng và sự chấp nhận những quan điểm nghệ thuật khác biệt.

Trong thời đại số hóa và toàn cầu hóa, công chúng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc diễn giải nghệ thuật. Nghệ thuật không còn là lĩnh vực độc quyền của giới chuyên môn hoặc các nhà phê bình. Công chúng, qua các nền tảng truyền thông xã hội và các kênh thông tin mở, có thể tiếp cận nghệ thuật một cách chủ động, đưa ra quan điểm và diễn giải của riêng mình, từ đó dẫn đến sự xuất hiện nhiều cách nhìn nhận khác nhau về nghệ thuật. Một tác phẩm có thể được đánh giá rất cao bởi một nhóm người vì tính sáng tạo hay thông điệp xã hội của nó, nhưng đồng thời cũng có thể bị chối bỏ bởi một nhóm khác vì nó không phù hợp với chuẩn mực thẩm mỹ của họ. Khi công chúng trở thành người đồng sáng tạo trong quá trình đánh giá nghệ thuật, sự đa dạng phong cách và trường phái trở nên tự nhiên và tất yếu. Toàn cầu hóa đã góp phần lớn vào sự phong phú của nghệ thuật đương đại, khi các nền văn hóa khác nhau liên tục gặp gỡ, giao thoa và tác động lẫn nhau. Nghệ thuật ngày nay không còn bị giới hạn trong một nền văn hóa hay một quốc gia cụ thể mà mang tính quốc tế hơn bao giờ hết. Công chúng toàn cầu tiếp cận với nghệ thuật từ khắp nơi trên thế giới, từ các phong trào châu Âu, nghệ thuật đường phố ở Mỹ, đến các tác phẩm nghệ thuật dân gian ở châu Á hay châu Phi. Điều này tạo ra sự đa dạng trong tiêu chí đánh giá nghệ thuật, khi mỗi nền văn hóa có những cách tiếp cận và tiêu chí thẩm mỹ riêng. Kết quả là, nghệ thuật đương đại có thể phản ánh nhiều ảnh hưởng văn hóa và lịch sử khác nhau, góp phần làm phong phú thêm số lượng và phong cách nghệ thuật hiện tại.

Không những vậy, một trong những đặc điểm của nghệ thuật đương đại là sự phá vỡ các hệ quy chiếu truyền thống, nơi mà các phong cách và thể loại nghệ thuật cố định không còn giữ vị trí thống trị. Nghệ thuật ngày nay không bị giới hạn bởi các quy tắc hay chuẩn mực trước đây, mà luôn thử nghiệm, kết hợp và phát triển. Ví dụ, các nghệ sĩ đương đại có thể pha trộn giữa điêu khắc, hội họa, sắp đặt, trình diễn và nghệ thuật kỹ thuật số để tạo ra một tác phẩm tổng

hợp. Điều này không chỉ phá vỡ các khuôn khổ truyền thống về trường phái nghệ thuật, mà còn mở ra không gian cho vô số cách diễn giải khác nhau. Chính vì thế, có những tác phẩm cùng lúc thuộc nhiều phong cách, làm mờ ranh giới giữa các trường phái. Trong thời đại hiện đại và hậu hiện đại, nghệ thuật ngày càng tập trung vào việc biểu đạt cái tôi cá nhân của nghệ sĩ, dẫn đến sự đa dạng trong phong cách và trường phái. Chủ nghĩa cá nhân, vốn là trung tâm của nhiều phong trào nghệ thuật đương đại, nhấn mạnh rằng nghệ thuật không cần phải tuân theo bất kỳ một quy chuẩn chung nào, mà có thể phản ánh những trải nghiệm và cảm xúc độc đáo của nghệ sĩ. Mỗi nghệ sĩ có thể theo đuổi một phong cách riêng, dựa trên quan điểm cá nhân và môi trường văn hóa mà họ sinh sống. Điều này giải thích vì sao có quá nhiều phong cách nghệ thuật đồng thời tồn tại, vì mỗi người sáng tạo đều muốn tạo ra dấu ấn riêng và truyền đạt một thông điệp hoặc cảm xúc riêng biệt.

Một đặc điểm khác của nghệ thuật đương đại là tính tạm thời và sự liên tục thay đổi của nó. Thế giới hiện đại với tốc độ thay đổi nhanh chóng đã ảnh hưởng đến sự phát triển của nghệ thuật. Những phong trào nghệ thuật mới nổi lên và bị thay thế bởi những phong trào khác chỉ trong thời gian ngắn. Tính chất này cũng thể hiện qua việc các tiêu chí đánh giá và cách diễn giải liên tục thay đổi. Công chúng có xu hướng tiếp cận nghệ thuật với sự cởi mở, nhưng đồng thời cũng đặt ra những câu hỏi và yêu cầu mới mẻ về nội dung, hình thức và ý nghĩa của tác phẩm. Sự phản hồi của công chúng chính là động lực thúc đẩy sự phát triển và biến đổi của nghệ thuật theo nhiều hướng khác nhau.

3. Nghệ thuật Việt, hay cụ thể hơn, mỹ thuật đương đại Việt thường được quan niệm bắt đầu kể từ năm 1986 với mốc là Đổi mới, khi tình trạng bao cấp kinh tế và một phần bao cấp tư tưởng được xóa bỏ. Tuy nhiên, việc sử dụng Đổi mới như một chỉ báo bao trùm về một cuộc cải cách nghệ thuật và tạo nên “mỹ thuật đương đại Việt Nam” đã bị chất vấn, thay vào đó, Đổi mới được gắn với bối cảnh toàn cầu hóa để xác lập thuật ngữ “mỹ thuật Việt Nam hậu - Đổi mới” trong phân kỳ lịch sử nghệ thuật (Taylor & Corey, 2019). Không thể phủ nhận Đổi mới và mở cửa đã tạo ra một lớp các họa sĩ mới thuộc mọi lứa tuổi, sống bằng nghề của chính mình mà không nằm trong biên chế thuộc một cơ quan nhà nước nào cả (Đỗ Lai Thúy, 2010). Rõ ràng,

những họa sĩ này đã có một sự phân ly khỏi mỹ thuật chính thống trước đó, nhất là hội họa hiện thực xã hội chủ nghĩa, đặc biệt vào thập niên 1990. Hiện diện một sự tiếp nhận đa dạng hơn, mở rộng hơn những trào lưu nghệ thuật phương Tây, ban đầu là các trường phái hội họa đầu TK XX như dã thú, lập thể, siêu thực, trừu tượng biểu hiện... sau là mở rộng về mặt chất liệu, tìm đến những phương tiện biểu đạt mới của nghệ thuật đương đại như nghệ thuật trình diễn, nghệ thuật sắp đặt, nghệ thuật công cộng, video art, sound art, nghệ thuật đa phương tiện... tạo nên một bức tranh đa diện và không ngừng tiếp biến cho nghệ thuật Việt. Phạm trù “họa sĩ trẻ” cũng liên tục vận động, từ những họa sĩ thế hệ 6x-7x, rồi tới 8x, 9x và bây giờ không thiếu những nghệ sĩ của thế hệ cuối 9x và sinh sau 2000, thuộc về phổ thế hệ Gen Z.

Văn học Việt, cũng đang có sự chuyển mình cả ở lĩnh vực sáng tác, dịch và nghiên cứu lý luận - phê bình. Có thể lấy một tham chiếu là thế hệ nhà văn trước 1975. Trước 1975, các nhà văn ở miền Bắc và miền Nam Việt Nam đều bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi bối cảnh lịch sử đặc thù của cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Lối viết thời kỳ này được định hướng bởi nhu cầu phục vụ cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng đất nước. Các tác phẩm văn học thường mang đậm tính hiện thực xã hội chủ nghĩa (ở miền Bắc) hoặc hiện thực kháng chiến (ở miền Nam), với mục đích phản ánh hiện thực khốc liệt của chiến tranh và thúc đẩy tinh thần yêu nước, đoàn kết và hy sinh. Các nhà văn đã dùng văn chương như một công cụ để khắc họa đời sống con người trong chiến tranh, qua đó truyền tải thông điệp chính trị và động viên tinh thần quân chúng.

Một đặc điểm nổi bật của văn học thời kỳ này là hình tượng nhân vật anh hùng được xây dựng theo mô típ sử thi. Nhân vật chính thường là những người lính, những chiến sĩ cách mạng với tính cách kiên trung, bất khuất, sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng cao cả. Họ được miêu tả dưới dạng “một chiều,” tức là không có những phức tạp tâm lý hoặc mâu thuẫn cá nhân, mà luôn thể hiện sự lý tưởng hóa, hoàn thiện về mặt phẩm chất. Mẫu người anh hùng trong văn học trước 1975 như anh hùng Tnú trong *Rừng xà nu*, hay chị Út Tịch trong *Người mẹ cầm súng*, là những nhân vật mang đậm tính chất sử thi: mạnh mẽ, dũng cảm và hoàn toàn cống hiến cho mục tiêu tập

thể mà ít đề cập đến đời sống nội tâm phức tạp. Tuy nhiên, chính việc xây dựng nhân vật theo mô típ này đã hạn chế phần nào tính đa chiều của họ, làm cho nhân vật trở nên “lý tưởng hóa” và thiếu đi yếu tố con người thực tế, với những yếu đuối, bất an hay xung đột nội tâm. Điều này có thể hiểu được trong bối cảnh lịch sử khi văn chương cần phục vụ mục đích chính trị và tuyên truyền cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Các tác phẩm văn học trước 1975 không chỉ khắc họa những con người anh hùng một chiều mà còn hướng đến việc tạo dựng những câu chuyện sử thi, nơi mà số phận cá nhân không còn là trọng tâm mà thay vào đó là sự hy sinh cho tập thể, cho lý tưởng cộng đồng. Điều này tạo nên một dòng văn học có tính khuôn mẫu, nơi mà cá nhân hòa tan vào trong sứ mệnh lịch sử của cả dân tộc. Lối viết sử thi này thường mô tả nhân vật không phải trong mối quan hệ cá nhân mà trong bối cảnh lịch sử lớn lao, như là một mắt xích không thể thiếu trong dòng chảy của cuộc chiến tranh và cách mạng. Các tác phẩm của văn học kháng chiến thể hiện rõ vai trò này, khi mà các câu chuyện thường là sự phản ánh cuộc chiến tranh tập thể hơn là khám phá chiều sâu tâm lý của từng cá nhân riêng biệt.

So với thế hệ viết trước 1975, những người phải trải qua các cuộc chiến tranh và biến động lịch sử, dùng chính nghịch cảnh để rèn giũa lý tưởng và phong cách viết, thế hệ văn học trẻ ngày nay có điều kiện sinh ra trong một bối cảnh xã hội ổn định hơn, được hưởng lợi từ sự phát triển của khoa học công nghệ và toàn cầu hóa. Cảnh cửa tri thức, đặc biệt là tri thức toàn cầu, mở rộng hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, điều đó cũng đặt ra cho họ một thách thức không nhỏ trong việc xác định tiếng nói riêng giữa một “ma trận” thông tin. Khả năng gạn lọc thông tin và sáng tạo trở thành yêu cầu thiết yếu, đòi hỏi mỗi người viết phải kiên định với cái tôi cá nhân, đồng thời không ngừng trau dồi để tìm kiếm những giá trị đặc thù và khác biệt. Ngoài ra, mặc dù đời sống vật chất đã có sự cải thiện, điều này không đồng nghĩa với việc đời sống tinh thần cũng phát triển tương ứng. Thực tế, trong bối cảnh xã hội hiện đại, con người lại trở nên phản tư hơn, đặt câu hỏi về những vấn đề nội tại, thậm chí dẫn đến khủng hoảng tinh thần. Đối với các nhà văn trẻ, viết lách không chỉ đơn thuần là phản ánh thực tại bên ngoài, mà còn là hành trình đối mặt và đối thoại với chính con người bên trong họ. Nhiều tác phẩm văn học trẻ ngày nay thể hiện sự khám phá

về bản thể, sự cô đơn, và những câu hỏi triết lý về tồn tại, giá trị và ý nghĩa của cuộc sống. Văn học trẻ, vì thế, không chỉ đóng vai trò như một diễn ngôn về thế giới bên ngoài mà còn là một không gian nội tâm, nơi các tác giả tìm cách hiểu và giải quyết những căng thẳng, khủng hoảng trong chính họ. Đây chính là điểm khác biệt lớn với các thế hệ viết trước - khi các tác giả trẻ hôm nay phải không ngừng tìm cách cân bằng giữa thế giới bên ngoài và cuộc đời nội tâm không ngừng với bản thân.

Nền âm nhạc Việt cũng chứng kiến một sự đổi thay khác - nhiều thể loại nhạc từ *underground* lên *mainstream*, từ *ngầm* lên *dòng chính*. Chỉ cần nhìn giới nhạc (*music scene*) của Hà Nội từ mở cửa (1991) tới nay là có thể thấy sự tịnh tiến lần đột khởi của thể loại nhạc và thế hệ chơi nhạc. Trải qua thời kỳ bao cấp, Hà Nội tương đối biệt lập với âm nhạc thế giới, thậm chí nhiều thể loại phương Tây còn bị cấm. Vào những năm 1990, cộng đồng chơi nhạc ở Hà Nội chia tách làm hai - những người nước ngoài ở Việt Nam và những người Việt chơi riêng với nhau. Nhưng chỉ một thập niên sau đó, cả hai cộng đồng này đã hòa lẫn vào nhau để phát triển một giới nhạc *underground* mạnh mẽ, bao gồm cả nhạc điện tử (*electronic music*), rock, metal... và một thập niên nữa đến những năm 2010 là sự xuất hiện của phong trào indie. Những thể loại *underground* như rock và rap lần lượt bước lên *mainstream* với những show truyền hình như *Rock Việt*, *King of Rap*, *Rap Việt*... Không gian biểu diễn cũng thay đổi, từ những quán bar nhỏ dành cho người nước ngoài, biệt lập, các môi trường sinh hoạt âm nhạc mang tính chất phong trào sinh viên như khu tam giác các trường: Xây dựng - Bách khoa - Kinh tế (hay còn gọi là Bách - Kinh - Xây), cái nôi của Desire (ban nhạc có hai MC nổi tiếng Long Vũ và Anh Tuấn là thành viên), Bức Tường, The Light... chuyển sang những địa điểm cố định ổn định như Hanoi Rock City, The Doors, Madake, Rec Room, ATK, Polygon... với những sự kiện âm nhạc lớn như Soundstuff, Quest, Rock Storm, Monsoon, những nền tảng số như Soundcloud, Bandcamp, YouTube... chấp cánh cho những thế hệ nghệ sĩ trẻ vươn tầm và lan tỏa âm nhạc. Những nghệ sĩ trẻ này, ngoài khả năng trình diễn - hát hay chơi nhạc cụ, còn có thể tự sáng tác và sản xuất nhạc của chính mình. Và ấn tượng hơn, rất có ý thức về việc làm nhạc của bản thân. Bên cạnh tiếp thu và cải biến những ảnh hưởng âm nhạc thế giới, họ còn tích hợp những yếu tố

truyền thống đến từ âm nhạc dân gian Việt Nam, pha trộn yếu tố cũ - mới và tiến ra thế giới, đa dạng hóa phương thức thể hiện khi kết hợp với các loại hình nghệ thuật đương đại nhằm tạo ra trải nghiệm nghe nhìn. Sự chuyển dịch giữa các thế hệ, giữa các thể loại nhạc, mang lại một thế giới nghệ thuật sống động không chỉ ở Hà Nội mà còn trên toàn Việt Nam, và mở rộng ra khu vực.

Tựu trung, sự vận động thẩm mỹ nghệ thuật trong bối cảnh đương đại không chỉ phản ánh sự biến đổi của bối cảnh văn hóa - xã hội mà còn thể hiện sự tương tác giữa các thế hệ. Nếu thế hệ trước đây làm nghệ thuật để thực hiện một chức năng mang tính mục đích luận nào đó, thì thế hệ sáng tạo trẻ ngày nay tìm kiếm sự tự do trong sáng tạo, phản tư nội tâm và đối thoại với bản thể. Sự mở rộng cánh cửa tri thức cùng sự phát triển của công nghệ đã mang đến nhiều cơ hội, nhưng cũng đặt ra những thách thức về việc gạn lọc, sáng tạo và xác định tiếng nói riêng. Trong dòng chảy đó, những giá trị tinh thần sâu sắc và bản sắc cá nhân vẫn luôn là điểm cốt lõi, dù cách tiếp cận có thay đổi, nhằm duy trì sự bền vững và sức ảnh hưởng của nghệ thuật trước mắt công chúng ■

P.M.Q

#### Tài liệu tham khảo

1. Archer, M, *Art since 1960 (Nghệ thuật từ năm 1960)*, London: Thames & Hudson, 2015.
2. Bourdieu, P, *Distinction: A Social Critique of the Judgement of Taste (Phân biệt: Phê bình xã hội về phán đoán thị hiếu)*, Cambridge, Nxb Đại học Harvard, 1984.
3. Đỗ Lai Thúy, *Mỹ thuật Việt Nam trong thành phố mới*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 3, 2010.
4. Godfrey, T, *The story of contemporary art (Câu chuyện về nghệ thuật đương đại)*, Cambridge: MIT Press, 2020.
5. Panofsky, E, *Studies in Iconology: Humanistic Themes in the Art of the Renaissance (Nghiên cứu về biểu tượng học: Các chủ đề nhân văn trong nghệ thuật Phục hưng)*, New York: Harper & Row, 1972.
6. Taylor, N. A., & Corey, P. N, *Đổi Mới and the globalization of Vietnamese art (Đổi Mới và sự toàn cầu hóa của nghệ thuật Việt Nam)*, *Journal of Vietnamese Studies (Tạp chí Nghiên cứu Việt Nam)*, 14(1), 2019, tr.1-34.
7. Trần Quốc Vượng (chủ biên), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.
8. Wölfflin, H, *Những nguyên lý của lịch sử nghệ thuật* (Phạm Minh Quân dịch), Nxb Thế giới, Hà Nội, 2022.